

Ngày soạn 16/12/2023	Dạy	Ngày	02/01/2024	02/01/2024
		Tiết	1	4
		Lớp	9D	9C

TUẦN 18 - TIẾT 86

## CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG

( *Phân Tiếng Việt* )

### I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

#### 1. Kiến thức

- Hiểu được từ ngữ địa phương( phương ngữ) chỉ sự vật, hoạt động,tính chất, nghề nghiệp... ở Hải Phòng và nhiều vùng quê khác trên đất nước ta, từ đó thấy được sự phong phú của phương ngữ

#### 2. Năng lực

- NL chung : giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự học.
- NL chuyên biệt: hợp tác, giao tiếp, sd ngôn ngữ.

#### 3. Phẩm chất

- Giáo dục HS lòng tự hào về Tiếng Việt và văn hoá địa phương

### III. CHUẨN BỊ

#### 1. Giáo viên:

- Hướng dẫn HS chuẩn bị, sưu tầm các từ ngữ địa phương và các vùng miền.
- Phương pháp: vấn đáp, giải thích

#### 2. Học sinh:

- Sưu tầm các từ ngữ địa phương chỉ sự vật, hoạt động, nghề nghiệp,.. nơi mình đang sinh sống hoặc ở địa phương khác( trong hoặc ngoài thành phố Hải Phòng) theo phiếu điều tra
- Sưu tầm từ ngữ địa phương Hải Phòng trong các tác phẩm văn học địa phương

### III. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC

#### A. Khởi động

- Phương pháp: thuyết trình
- Thời gian: 1 phút

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ	KIẾN THỨC – KN CẦN ĐẠT
<b><i>GV giới thiệu bài:</i></b> Các địa phương trong dân tộc Việt Nam cùng nói chung tiếng nhưng mỗi vùng miền lại có những từ ngữ đặc trưng riêng thể hiện bản sắc văn hoá ngôn ngữ từng vùng và làm cho tiếng Việt càng thêm phong phú và đa dạng.....từ ngữ thành phố Hải Phòng của chúng ta như thế nào....	- Lắng nghe.	<b>A. Khởi động</b> Học sinh hứng thú, tập trung bài để chuẩn bị cho bài mới

#### B. Hình thành kiến thức

- Phương pháp: vấn đáp, giải thích
- KT: Động não, theo nhóm
- Thời gian: 7 phút

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ	KIẾN THỨC – KN CẦN ĐẠT
GV yêu cầu học sinh báo cáo kết quả chuẩn bị ở nhà Câu 1 Câu 2 GV: Nhận xét , đánh giá sự chuẩn bị của học sinh	- Học sinh đại diện từng bàn báo cáo kết quả chuẩn bị	<b>B. Hình thành kiến thức</b>

**C. Luyện tập**

- Phương pháp: Nêu vấn đề
- Thời gian: 33 phút

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ	KIẾN THỨC – KN CẦN ĐẠT
<p><i>1/ Chuyển giao</i> ? Đọc và nêu yêu cầu của BT1? Giáo viên chia lớp làm 3 nhóm, trong nhóm thảo luận theo bàn, mỗi nhóm tìm hiểu 1 phần</p> <p><i>2/ Thực hiện</i> - Giáo viên dành 10 phút cho các nhóm chuẩn bị - Gợi ý, tư vấn cho HS hoạt động</p> <p><i>3/ Báo cáo</i> - Theo dõi các nhóm trình bày.</p> <p><i>4/ Đánh giá</i> Giáo viên chốt, đánh giá hoạt động của các nhóm, chuyển bài tập 2</p> <p><i>1/ Chuyển giao</i> ? Đọc và nêu yêu cầu của bài tập 2? ? Vì sao những từ ngữ ở bài 1(a) không có từ ngữ tương đương trong phương ngữ toàn dân?</p> <p><i>2/ Thực hiện</i> - Gợi ý HS hđ cá nhân làm BT</p> <p><i>3/ Báo cáo</i> - Lắng nghe trình bày.</p> <p><i>4/ Đánh giá</i> - GV nhận xét, đánh giá hđ của HS và chốt ND thảo luận GV chốt, kết luận: Do điều kiện tự nhiên, khí hậu thổ nhưỡng... khác biệt do đó có những sự vật hiện tượng có ở địa phương này mà không có ở địa phương khác.-&gt; Điều đó cho thấy VN là một đất nước có sự khác biệt giữa các vùng miền về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lí, phong tục tập quán( HP là thành phố gắn liền với lễ hội chọi trâu, có nghề trồng thuốc lá nổi tiếng cho nên cs những từ ngữ mang tính chất khác biệt...). Tuy nhiên một số từ ngữ địa phương có thể chuyển thành từ toàn dân vì được gọi ở nhiều vùng miền: chôm chôm, sầu riêng.</p> <p><i>1/ Chuyển giao</i> ? Đọc và nêu yêu cầu bài 3, 4? ?Yêu cầu học sinh đọc bài thơ: Mẹ Suốt ? Bài thơ viết về ai? Tìm những từ địa phương ở đoạn thơ? Những từ ngữ đó thuộc phương ngữ nào?Tìm các từ toàn dân tương ứng? Chi- gì, rứa- thế, nờ- Tui- tôi.cớ rãng- cớ sao</p>	<p>- học sinh dựa vào sgk trả lời - Đọc yêu cầu bài tập 1 Học sinh làm việc theo nhóm - Thời gian: 10 phút *Nhóm1: phần a *Nhóm2: phần b * Nhóm 3: c - Một số học sinh đại diện các nhóm trả lời</p> <p>- Đọc và nêu yêu cầu bài tập 2 - Học sinh đọc lập cá nhân suy nghĩ, trả lời</p> <p>- Nghe giáo viên bổ sung, chốt câu trả lời</p> <p>- Đọc kỹ yêu cầu bài tập 3, 4. - Lần lượt 2- 3 học sinh tìm và giải thích nghĩa của từ đó sang từ toàn dân; phân tích tác dụng từ địa</p>	<p><b>C. Luyện tập</b></p> <p>Bài 1/ 53</p> <p>a. Từ địa phương - chỉ danh thắng: Đền Nghè, Cát Bà - Chỉ nghề nghiệp: Nghề chọi trâu... Nghề trồng thuốc lá:... b.Từ địa phương: đáp - Từ toàn dân: ném c. Từ địa phương đồng âm nhưng khác nghĩa với từ ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân ôm - gầy Bài tập 2/54</p> <p>Bài tập 3/54</p>

<p>Mụ- vợ, bà                  ? Việc sử dụng từ địa phương ở đoạn thơ đó có tác dụng gì?                  ? Nêu yêu cầu bài tập 4                  ? Yêu cầu học sinh thảo luận tự do và trả lời, giáo viên nhận xét                  - choa- tôi                  - nõ- chẳng, chi- gì                  - nõ- lắm; mụ o- bà cô                  - mần chàng ràng- chậm chạp, lè mè                  ? Tóm lại, qua bài học, các bài tập em có nhận xét gì về từ ngữ địa phương? Muốn hiểu được từ ngữ địa phương từng vùng miền, em phải làm thế nào?                  2/ Thực hiện                  - HS hđ cá nhân làm BT                  3/ Báo cáo                  - Lắng nghe trình bày.                  4/ Đánh giá                  - GV nhận xét, đánh giá hđ của HS và chốt về vai trò của sử dụng từ địa phương trong văn học</p>	<p>phương                  - TRình bày                    - Nhận xét, bổ sung                    - HS nêu nhận xét, liên hệ                    - Lắng nghe</p>	<p>Bài tập 4/ 55                  - Từ địa phương: chi, rứa, nõ..-&gt; phương ngữ Trung( QB, QT, TTH)                    -&gt; Thể hiện chân thực hơn hình ảnh 1 vùng quê và tình cảm, suy nghĩ, tình cách của một người mẹ trên vùng quê ấy, tăng sự sống động, gợi cảm cho tác phẩm.</p>
--	--	--

**D. Tìm tòi mở rộng**

- Phương pháp: Nêu vấn đề
- KT : động não
- Thời gian: 4 phút

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ	KIẾN THỨC – KN CẦN ĐẠT
<p>1/ Chuyển giao                  * GV yêu cầu HS                  - Về nhà: Sưu tầm từ ngữ địa phương Hải Phòng                  + Theo tính chất nghề nghiệp                  + Trong đời sống sinh hoạt hàng ngày                  - Cách tìm hiểu                  Tìm hiểu trên mạng, tìm hiểu qua lời ăn tiếng nói hàng ngày                  2/ Thực hiện:                  - GV tư vấn cho HS                  - HS thực hiện ở nhà                  B3: Báo cáo:                  - HS báo cáo, kiểm tra bài nhau trong tiết học sau.                  - GV đánh giá việc làm bài ở nhà của HS                  B4: Đánh giá: GV nhận xét, đánh giá ý thức học bài ở nhà và sự chuẩn bị của HS</p>	<p>- HS nhận nhiệm vụ                    - HS làm việc cá nhân ở nhà                  - HS báo cáo trong tiết học sau</p>	<p><b>D. Tìm tòi, mở rộng</b></p>